

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST
Ngày: 06-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Hồng Kiệt.

Bà Bùi Nguyễn Tuyết Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Lâm Xuân Minh N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp B, xã S, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Đặng Thanh D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị N, bà D đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Văn T là chị Lâm Xuân Minh N: Ngày 07-01-2019, ông T có cho bà

Đặng Thanh D vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 4%/01 tháng, trả lãi vào ngày 08 hàng tháng, có biên nhận nhận tiền do bà D ký tên, thỏa thuận khi nào ông T cần lại số tiền gốc thì bà D sẽ trả lại cho ông T. Ngày 17-01-2019, bà D tiếp tục vay của ông T số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 4%/01 tháng, trả lãi vào ngày 08 hàng tháng, có biên nhận nhận tiền do bà D ký tên và cũng thỏa thuận khi nào ông T cần lại số tiền gốc thì bà D sẽ trả lại cho ông T. Nhưng khi trả tiền lãi thì bà D cho rằng khó khăn nên xin trả lãi là 3%/01 tháng và từ khi vay đến tháng 11-2019 thì bà D có trả lãi cho ông T được 30.000.000 đồng. Do bà D không tiếp tục trả lãi và cũng không trả tiền gốc cho ông T, ông T đòi nhiều lần, bà D đều hứa hẹn nhưng vẫn không trả nợ cho ông T nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Đặng Thanh D trả số tiền vay còn thiếu gốc tổng cộng là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông T là chị N thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị N đồng ý khấu trừ số tiền lãi ông T đã nhận là 30.000.000 đồng vào số tiền gốc 100.000.000 đồng của ông T cho bà D vay nên chị N chỉ yêu cầu bà D có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vay còn thiếu gốc là 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Lời trình bày của bị đơn Đặng Thanh D: Ngày 07-01-2019, bà D có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 4%/01 tháng, trả lãi vào ngày 08 hàng tháng, có biên nhận nhận tiền do bà D ký tên, thỏa thuận khi nào ông T cần lại số tiền gốc thì bà D sẽ trả lại cho ông T. Ngày 17-01-2019, bà D tiếp tục vay của ông T số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 4%/01 tháng, trả lãi vào ngày 08 hàng tháng, có biên nhận nhận tiền do bà D ký tên và cũng thỏa thuận khi nào ông T cần lại số tiền gốc thì bà D sẽ trả lại cho ông T. Từ khi vay đến tháng 5-2020 bà D có trả lãi cho ông T mỗi tháng là 4.000.000 đồng, trả liên tiếp là 17 tháng với tổng số tiền là 68.000.000 đồng.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà D xin khấu trừ số tiền lãi đã trả tổng cộng là 68.000.000 đồng vào số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng (vì hiện nay bà D khó khăn về kinh tế) nên bà D chỉ đồng trả cho ông T số tiền là 32.000.000 đồng.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét thấy, bị đơn và nguyên đơn có thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn, có lãi. Bị đơn là bà D thừa nhận có vay của ông T 02 (Hai) lần vào ngày 07-01-2019 số tiền là 40.000.000 đồng và ngày 17-01-2019 số tiền là 60.000.000 đồng, do khó khăn về kinh tế nên chưa trả được. Việc bà D cho rằng có trả lãi 4%/01 tháng cho ông T, mỗi tháng là 4.000.000 đồng, trả liên tiếp 17 tháng với số tiền là 68.000.000 đồng nhưng

không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho trình bày của mình là có cơ sở, như vậy bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay. Trên cơ sở ông T tự thừa nhận trong quá trình vay đến tháng 11-2019 bà D có trả lãi 3%/01 tháng, tổng cộng trả được 30.000.000 đồng, việc này là có lợi cho bà D nên chấp nhận sự thừa nhận của ông T.

Căn cứ các điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn T, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Khi khởi kiện ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà Đặng Thanh D trả số tiền vay gốc còn thiếu tổng cộng là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông T là chị Lâm Xuân Minh N thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị N đồng ý khấu trừ số tiền lãi ông T đã nhận là 30.000.000 đồng vào số tiền gốc 100.000.000 đồng của ông T cho bà D vay nên chị N chỉ yêu cầu bà D có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vay còn thiếu gốc là 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà D thừa nhận có vay của ông T 02 (Hai) lần với số tiền tổng cộng là 100.000.000 đồng, như vậy việc ông T cho bà D vay số tiền 100.000.000 đồng là có đủ căn cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *“2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Bà D trình bày có trả lãi cho ông T mỗi tháng là 4.000.000 đồng, trả lãi liên tiếp 17 tháng với số tiền là 68.000.000 đồng, bà D xin khấu trừ số tiền lãi đã trả vào số tiền vay gốc 100.000.000 đồng nên bà D chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền là 32.000.000 đồng. Xét thấy việc bà D cho rằng đã trả lãi cho ông T số tiền 68.000.000 đồng nhưng bà D không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh đã trả cho ông T số tiền trên, ông T thì không thừa nhận có nhận 68.000.000 đồng tiền lãi như bà D trình bày mà ông T chỉ thừa nhận có nhận 30.000.000 đồng tiền lãi bà D đã trả, nay ông T đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận là 30.000.000 đồng vào số tiền gốc 100.000.000 đồng mà bà D đã vay là có lợi cho bà D.

Từ những phân tích trên chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T, buộc bà D có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vay còn thiếu gốc là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), không tính lãi là phù hợp theo quy định tại các điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Trong vụ án này bị đơn Đặng Thanh D có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn T số tiền 70.000.000 đồng nên phải có nghĩa vụ chịu $5\% \times 70.000.000$ đồng = 3.500.000 đồng án phí; Nguyên đơn Nguyễn Văn T không phải chịu án phí nên được nhận lại 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do Lâm Thị Nhã P nộp thay) theo biên lai thu số: 0002545 ngày 21-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T.

Buộc bà Đặng Thanh D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vay còn thiếu gốc là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), không tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thanh D có nghĩa vụ chịu 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do Lâm Thị Nhã P nộp thay) theo biên lai thu số: 0002545 ngày 21-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06-9-2022).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Bé Hương